

Bản án số: 93/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 01-11-2018.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thu Thủy
2. Ông Nguyễn Đức Nhuận

Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 01/11/2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1089/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Đức Bảo T, sinh năm 1983; thường trú: 493 BH, Phường 8, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Dương Hữu Đ, sinh năm 1973; thường trú: 4/162 khu phố HL1, phường T G, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Hiện đang chấp hành án tại phân trại 3, Trại giam AP, địa chỉ: Xã AT, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/9/2018, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đỗ Đức Bảo T trình bày:

Bà Đỗ Đức Bảo T và ông Dương Hữu Đ có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 08 năm, tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TG, huyện Thuận An (nay là phường TG, thị xã Thuận An), tỉnh Bình Dương ngày 15/10/2007, giấy chứng nhận kết hôn số 92/2007, quyển số 01, có tổ chức đám cưới, được sự đồng ý của gia đình hai bên. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2010

thì thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau. Hiện nay ông Đ đang chấp hành án tại phân trại 3, Trại giam AP. Nay bà Đỗ Đức Bảo T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Dương Hữu Đ.

Về con chung: Có 01 con chung Dương Đỗ Bảo T1, sinh ngày 30/11/2007. Bà T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; quyền và nghĩa vụ về tài sản: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/10/2018 bị đơn ông Dương Hữu Đ trình bày: Thống nhất lời trình bày của bà T về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý; về con chung: Có 01 con chung Dương Đỗ Bảo T1, sinh ngày 30/11/2007. Ông Đ đồng ý để bà T được nuôi con chung, ông Đ không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung; quyền và nghĩa vụ về tài sản: Không yêu cầu tòa án giải quyết. Do hiện nay ông đang chấp hành án tại phân trại 3, Trại giam AP nên đề nghị giải quyết vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà T yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung, không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ về tài sản không yêu cầu tòa án giải quyết. Bị đơn ông Đ đồng ý ly hôn và giao con chung cho bà T nuôi dưỡng, ông Đ không cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ về tài sản không yêu cầu tòa án giải quyết. Xét thấy các đương sự đã thống nhất với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án nhưng do ông Đ đang chấp hành án tại phân trại 3, Trại giam AP, không thể tham gia tố tụng được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Dương Hữu Đ có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 4/162 khu phố HL1, phường TG, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 36; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn, nuôi con như vậy quan hệ trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[3] Về tố tụng: Bị đơn ông Dương Hữu Đ có đơn đề nghị vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Đức.

[4] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Đức Bảo T và ông Dương Hữu Đ tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TG, huyện Thuận An (nay là phường Thuận Giao, thị xã Thuận An), tỉnh Bình Dương ngày 15/10/2007, giấy chứng nhận kết hôn số 92/2007, quyển số 01, như vậy hôn nhân của bà T và ông Đ là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa bà Đỗ Đức Bảo T vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông Đ, ông Đ đồng ý ly hôn nhưng do ông Đ đang chấp hành án tại phân trại 3, Trại giam AP, không thể tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp yêu cầu ly hôn của bà Đỗ Đức Bảo T.

Về con chung: Có 01 con chung Dương Đỗ Bảo T, sinh ngày 30/11/2007. Bà T và ông Đ đều thống nhất giao con chung cho bà T nuôi dưỡng, ông Đ không cấp dưỡng nuôi con, cháu Dương Đỗ Bảo T có nguyện vọng muốn được sống với mẹ nên Hội đồng xét xử giao con chung Dương Đỗ Bảo T, sinh ngày 30/11/2007 cho bà T nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Đức Bảo T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 36, 39, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Đức Bảo T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Dương Hữu Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Đức Bảo T được ly hôn với ông Dương Hữu Đ.

- Về con chung: Giao con chung Dương Đỗ Bảo T, sinh ngày 30/11/2007 cho bà Đỗ Đức Bảo T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đỗ Đức Bảo T về việc không yêu cầu ông Dương Hữu Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung; quyền và nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự không tranh

chấp nên không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Đỗ Đức Bảo T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0024242 ngày 27/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THA thị xã Thuận An;
- Các đương sự;
- UBND phường TG, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nhâm